

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

**Số thông báo mời :
thầu**

Tên gói thầu : Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình hạ tầng kỹ thuật và dự toán

Dự án : Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực các chung cư cũ Vạn Mỹ và 311 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền.

Địa điểm XD : Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Chủ đầu tư : Ban quản lý dự án khu vực Ngô Quyền

Ngày phát hành : Ngày 17 tháng 07 năm 2025

Ban hành kèm : Số 26/QĐ-BQLDAKVNQ ngày 17/07/2025 của Ban theo Quyết định quản lý dự án khu vực Ngô Quyền về việc phê duyệt E-HSMT.

Tư vấn lập E-HSMT

Chủ đầu tư

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập

các thông tin vào các mẫu để lập E-HSMT, E-HSDT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn</p>

chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

g) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

	<p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ</p>

	<p>thống;</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ</p>

	<p>thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được Chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSMT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSMT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu</p>

	phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC: 10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT: Nhà thầu lập theo “Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSĐXKT” trong Chương IV E-HSMT và đính kèm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại phần “Tài liệu thuộc hồ sơ đề xuất kỹ thuật”. - Thỏa thuận liên danh: Nhà thầu lập theo “Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh” trong Chương IV E-HSMT và đính kèm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại phần “Tài liệu thuộc hồ sơ đề xuất kỹ thuật”. - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC: Nhà thầu lập theo “Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC” trong Chương IV E-HSMT và đính kèm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại phần “Tài liệu thuộc hồ sơ đề xuất kỹ thuật”. - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT. 10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu theo quy định tại E-HSMT để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí. 12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực

	hiện theo quy định tại E-BDL .
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa</p>

	<p>đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSĐXKT</p>	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>11.10.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>11.10.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT. <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSĐT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng

	<p>khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai theo mẫu quy định tại Chương IV E-HSMT và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thừa hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. <p>11.10.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:</p> <p>Tổ chuyên gia đánh giá: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Chủ đầu tư lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>

23. Làm rõ E-HSDT

23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.

23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.

23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.

23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.

23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.

23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

<p>24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian</p>	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn</p>

	<p>nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Chủ đầu tư không được chấp thuận cho nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Đối chiếu</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một</p>

**tài liệu và
thương thảo
hợp đồng**

bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.

27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Chủ đầu tư chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử.

Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt". Trong trường hợp này, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;

b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;

c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;

b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;

c) Tiến độ;

d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);

đ) Bố trí điều kiện làm việc;

e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSMT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSMT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.

27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.

	<p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>21.10.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>21.10.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Tùy chọn mua thêm</p>	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư thỏa thuận với nhà thầu mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 19 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu</p>

	<p>không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSĐT và văn bản giải thích làm rõ E-HSĐT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSĐT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các Chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị</p>

	lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL .
35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL .

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án khu vực Ngô Quyền
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình hạ tầng kỹ thuật và dự toán</p> <p>Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực các chung cư cũ Vạn Mỹ và 311 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Ngân sách thành phố
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Ban quản lý dự án khu vực Ngô Quyền. Địa chỉ: Số 17 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập E-HSMT: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng và thương mại Kiến An + Tư vấn thẩm định E-HSMT: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại dịch vụ Hưng Thịnh + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng và thương mại Kiến An + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và thương mại dịch vụ Hưng Thịnh <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật: <ul style="list-style-type: none"> (i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.</p> <p>(ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên.</p> <p>- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 7.7	<p>Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ:</p> <p>_____ ngày</p>
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VNĐ
E-CDNT 10.3	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập do cơ quan có thẩm quyền cấp. - Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2024.

	<p>- Hợp đồng tương tự và kèm theo các tài liệu sau:</p> <p>+ Một trong các tài liệu: Biên bản nghiệm thu (BBNT) hoàn thành gói thầu, Báo cáo/thông báo thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hoặc tài liệu khác tương đương.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất, cấp công trình đối với công trình dân dụng: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC-TDT hoặc Xác nhận của Chủ đầu tư hoặc tài liệu khác tương đương.</p> <p>- Nhân sự chủ chốt: Các văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh kinh nghiệm và khả năng huy động nhân sự, bản kê khai lý lịch chuyên gia đối với nhân sự do nhà thầu kê khai trong HSMT.</p>
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không yêu cầu
E-CDNT 14.3	Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).
E-CDNT 31	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng
E-CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.2	- Người có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng + Địa chỉ: Tòa nhà B, Trung tâm Chính trị - Hành chính thành phố, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

	<p>+ E-mail: ubnd@haiphong.gov.vn</p> <p>- Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn:</p> <p>+ Địa chỉ: Sở Tài chính thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.</p> <p>+ E-mail:</p>
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: không có

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu			10		
1.1	<p>Từ ngày 01/01/2020, đã hoàn thành Hợp đồng khảo sát địa hình.</p> <p>- Nhà thầu phải cung cấp hợp đồng tương tự và kèm theo các tài liệu sau:</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành gói thầu hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc tài liệu khác tương đương.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh tư cách nhà thầu phụ đối với hợp đồng do nhà thầu cung cấp là hợp đồng thầu phụ.</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh:</p> <p>+ Từng thành viên trong liên danh phải cung cấp hợp đồng tương tự phù hợp với phần công việc đảm nhận trong gói thầu.</p> <p>+ Điểm đánh giá của từng thành viên liên danh tương ứng với phần công việc, tỷ lệ % giá trị do từng thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.</p>			2,00	<p>- Có \geq 02 hợp đồng: 2,0 điểm</p> <p>- Có 01 hợp đồng: 1,4 điểm</p> <p>- Không có hợp đồng: 0 điểm</p>	
1.2	<p>Từ ngày 01/01/2020, đã hoàn thành Hợp đồng thiết kế bản vẽ thi công hoặc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên.</p> <p>- Nhà thầu phải cung cấp hợp đồng tương tự và kèm theo các tài liệu sau:</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu (BBNT) hoàn thành gói</p>			6,00	<p>- Có \geq 02 hợp đồng: 6,0 điểm</p> <p>- Có 01 hợp đồng: 4,2 điểm</p> <p>- Không có hợp đồng: 0 điểm</p>	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>thầu, Báo cáo/thông báo thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hoặc tài liệu khác tương đương.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất, cấp công trình: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC-TDT hoặc Xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu khác tương đương.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh tư cách nhà thầu phụ đối với hợp đồng do nhà thầu cung cấp là hợp đồng thầu phụ.</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh:</p> <p>+ Từng thành viên trong liên danh phải cung cấp hợp đồng tương tự phù hợp với phần công việc đảm nhận trong gói thầu.</p> <p>+ Điểm đánh giá của từng thành viên liên danh tương ứng với phần công việc, tỷ lệ % giá trị do từng thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.</p>					
1.3	Các yếu tố khác			2,00		
1.3.1	<p>Số năm hoạt động trong lĩnh vực thiết kế bản vẽ thi công (hoặc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) (được tính từ thời điểm ký hợp đồng tư vấn).</p> <p>- Nhà thầu phải cung cấp hợp đồng tương tự và kèm theo các tài liệu sau:</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành gói thầu hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành công</p>			2,00	<p>- \geq 05 năm: 2,0 điểm</p> <p>- Từ 03 - 05 năm: 1,4 điểm</p>	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>trình đưa vào sử dụng hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc tài liệu khác tương đương.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh tư cách nhà thầu phụ đối với hợp đồng do nhà thầu cung cấp là hợp đồng thầu phụ.</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh:</p> <p>+ Từng thành viên trong liên danh phải cung cấp hợp đồng tương tự phù hợp với phần công việc đảm nhận trong gói thầu).</p> <p>+ Kinh nghiệm của nhà thầu liên danh được tính bình quân kinh nghiệm của các thành viên liên danh.</p>					
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)			5		
2.1	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 (trường hợp liên danh, từng thành viên đều phải cam kết)			5,00	<p>- Có cam kết theo đúng các nội dung: 5 điểm</p> <p>- Không có cam kết hoặc không đầy đủ các nội dung: 0 điểm</p>	
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)			35		24,5
3.1	<i>Hiểu rõ mục đích gói thầu</i>			6,00		

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu			3,00	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ chi tiết, trình bày rõ ràng các nội dung: 3 điểm - Có thể hiện đầy đủ, tuy nhiên chưa chi tiết: 2,1 điểm - Không thể hiện hoặc có thể hiện tuy nhiên chưa phù hợp: 0 điểm 	
3.1.2	Am hiểu về địa điểm xây dựng, vị trí, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật (có hình ảnh hiện trạng); điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, địa chất, thủy văn, ...) khu vực thực hiện dự án			3,00	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ chi tiết, trình bày rõ ràng các nội dung: 3 điểm - Có thể hiện đầy đủ, tuy nhiên chưa chi tiết: 2,1 điểm - Không thể hiện hoặc có thể hiện tuy nhiên chưa phù hợp: 0 điểm 	
3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận</i>			14,00		
3.2.1	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. - Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có danh sách phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho gói thầu thực hiện nhiệm vụ cụ thể. 			12,00	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ chi tiết, hợp lý, khả thi phù hợp quy mô, trình bày rõ ràng các nội dung về thuyết minh, phương án: 12 điểm - Có thể hiện đầy đủ, tuy nhiên có nội dung chưa chi tiết: 8,4 điểm 	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	- Đề xuất giải pháp thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình đầy đủ cho các hạng mục công trình nêu trong điều khoản tham chiếu.				- Không thể hiện hoặc có thể hiện tuy nhiên chưa phù hợp: 0 điểm	
3.2.2	Trình bày được căn cứ pháp lý, quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn còn hiệu lực, pháp lý liên quan đến dự án phục vụ công tác lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình			2,00	- Trình bày đầy đủ chi tiết, trình bày rõ ràng các nội dung: 2 điểm - Có thể hiện đầy đủ, tuy nhiên chưa chi tiết: 1,4 điểm - Không thể hiện hoặc có thể hiện tuy nhiên chưa phù hợp: 0 điểm	
3.3	<i>Sáng kiến cải tiến</i>			2,00		
3.3.1	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án			2,00	- Có sáng kiến rõ ràng, hiệu quả: 2 điểm; - Có sáng kiến nhưng chưa rõ ràng: 1,4 điểm; - Không đề xuất: 0 điểm.	
3.4	<i>Cách trình bày hồ sơ dự thầu</i>			2,00		

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.4.1	Hồ sơ dự thầu được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi			2,00	- Trình bày hợp lý, dễ theo dõi: 2 điểm; - Trình bày chưa hợp lý: 1 điểm; - Đề xuất thiếu nội dung: 0 điểm.	
3.5	<i>Kế hoạch triển khai</i>			6,00		
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu. Kế hoạch thực hiện mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, rõ ràng, phù hợp với phương pháp luận và tiến độ triển khai của dự án			4,00	- Trình bày đầy đủ chi tiết, trình bày rõ ràng các nội dung: 4 điểm; - Có thể hiện nhưng sơ sài, chưa đầy đủ, chưa chi tiết, chưa phù hợp: 2,8 điểm. - Không thể hiện: 0 điểm	
3.5.2	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo, tiến độ thực hiện gói thầu phù hợp			2,00	- Thể hiện đầy đủ, phù hợp với nội dung thực hiện và tiến độ: 2 điểm. - Có thể hiện chưa chi tiết, chưa phù hợp: 1,4 điểm. - Không thể hiện: 0 điểm	
3.7	<i>Bố trí nhân sự</i>			5,00		

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.7.1	Nhà thầu có bố trí thêm nhân sự hỗ trợ tổ chuyên gia tư vấn (không đáp ứng yêu cầu được 0 điểm)			1,00	- Bố trí thêm nhân sự hỗ trợ tổ chuyên gia tư vấn: 1 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.	
3.7.2	Có sơ đồ tổ chức nhân sự hợp lý, có phân công công việc rõ ràng, đảm bảo thực hiện các nội dung công việc của gói thầu, thể hiện được mối quan hệ giữa nhà tư vấn, chủ đầu tư và các bên liên quan tham gia thực hiện			2,00	- Trình bày đầy đủ chi tiết, trình bày rõ ràng các nội dung: 2 điểm; - Có thể hiện nhưng sơ sài, chưa đầy đủ, chưa chi tiết, chưa phù hợp: 1,4 điểm. - Không thể hiện: 0 điểm	
3.7.3	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với tiến độ, kế hoạch triển khai			2,00	Trình bày đầy đủ chi tiết, trình bày rõ ràng các nội dung: 2 điểm - Có thể hiện nhưng sơ sài, chưa đầy đủ, chưa chi tiết, chưa phù hợp: 1,4 điểm. - Không thể hiện: 0 điểm	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)			50		35
		Vị trí	Số lượng			
4.1	Chủ nhiệm dự án - Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên	Chủ nhiệm dự án	1	8,00		5,60

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p><i>ngành: Cấp thoát nước, Kỹ thuật xây dựng Đường bộ/Kỹ thuật Giao thông đường bộ/xây dựng cầu đường/Kỹ thuật cơ sở hạ tầng/Kỹ thuật công trình xây dựng</i></p> <p><i>- Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (Cấp thoát nước) hoặc thiết kế xây dựng công trình (cấp nước – thoát nước) hoặc thiết kế xây dựng công trình đường bộ còn hiệu lực</i></p> <p><i>- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV)</i></p> <p><i>- Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu.</i></p> <p><i>- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm đánh giá cho Mục 4.1 bằng 0 điểm.</i></p>					
4.1.1	<p>- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Cấp thoát nước, Kỹ thuật xây dựng Đường bộ/Kỹ thuật Giao thông đường bộ/xây dựng cầu đường/Kỹ thuật cơ sở hạ tầng/Kỹ thuật công trình xây dựng</p>			2,00	<p>- Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm</p> <p>- Không có bằng cấp phù hợp: 0 điểm</p>	
4.1.2	<p>Kinh nghiệm ở vị trí chủ nhiệm dự án/thiết kế BVTC công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <p>+ Hợp đồng tư vấn;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh về quy mô, loại, cấp công</p>			6,00	<p>- \geq 02 dự án (công trình): 6,0 điểm</p> <p>- 01 dự án (công trình): 4,2 điểm</p> <p>- Không có kinh nghiệm: 0 điểm</p>	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>trình tham gia thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc tài liệu khác tương đương.</p> <p>+ Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương</p> <p>+ Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn</p>					
4.2	<p><i>Chủ trì khảo sát cáp ngầm</i></p> <p>- <i>Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Trắc đạc, trắc địa, địa chính</i></p> <p>- <i>Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hoặc Đo đạc, thành lập bản đồ bằng phương pháp đo trực tiếp hoặc tương đương còn hiệu lực</i></p> <p>- <i>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV).</i></p> <p>- <i>Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu.</i></p> <p>- <i>Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm đánh giá cho Mục 4.2 bằng 0 điểm.</i></p>	<i>Chủ trì khảo sát cáp ngầm</i>	1	6,00		4,20
4.2.1	- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Trắc đạc, trắc địa, địa chính			2,00	<p>- Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm</p> <p>- Không có bằng cấp phù hợp: 0 điểm</p>	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.2.2	<p>Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì khảo sát địa hình</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng tư vấn; + Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương + Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn 			4,00	<ul style="list-style-type: none"> - \geq 02 dự án (công trình): 4,0 điểm - 01 dự án (công trình): 2,8 điểm - Không có kinh nghiệm: 0 điểm 	
4.3	<p><i>Chủ trì thiết kế kiến trúc</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kiến trúc - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế kiến trúc công trình còn hiệu lực - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV). - Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu. - Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm đánh giá cho Mục 4.3 bằng 0 điểm. 	<i>Chủ trì thiết kế kiến trúc</i>	1	6,00		4.2
4.31	<ul style="list-style-type: none"> - Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kiến trúc 			2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm - Không có bằng cấp phù hợp: 0 điểm 	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.3.2	<p>Kinh nghiệm ở vị trí chủ nhiệm dự án/thiết kế hoặc chủ trì thiết kế kiến trúc công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc dân dụng cấp III trở lên</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng tư vấn; + Tài liệu chứng minh về quy mô, loại, cấp công trình tham gia thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc tài liệu khác tương đương. + Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương + Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn 			4,00	<ul style="list-style-type: none"> - ≥ 02 dự án (công trình): 4,0 điểm - 01 dự án (công trình): 2,8 điểm - Không có kinh nghiệm: 0 điểm 	
4.4	<p><i>Chủ trì thiết kế kết cấu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành: xây dựng dân dụng và công nghiệp</i> - <i>Có chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình còn hiệu lực</i> - <i>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV).</i> - <i>Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu.</i> - <i>Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm</i> 	<i>Chủ trì thiết kế kết cấu</i>	<i>1</i>	<i>6,00</i>		<i>4,2</i>

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<i>đánh giá cho Mục 4.4 bằng 0 điểm.</i>					
4.4.1	- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp			2,00	- Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm - Không có bằng cấp phù hợp: 0 điểm	
4.4.2	Kinh nghiệm ở vị trí chủ nhiệm dự án/thiết kế hoặc chủ trì thiết kế kết cấu công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc dân dụng cấp III trở lên Tài liệu chứng minh: + Hợp đồng tư vấn; + Tài liệu chứng minh về quy mô, loại, cấp công trình tham gia thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc tài liệu khác tương đương. + Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương + Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn			4,00	- \geq 02 dự án (công trình): 4,0 điểm - 01 dự án (công trình): 2,8 điểm - Không có kinh nghiệm: 0 điểm	
4.5	<i>Chủ trì thiết kế cấp thoát nước</i> - <i>Tốt nghiệp đại học chuyên ngành cấp thoát nước</i> - <i>Có chứng chỉ hành thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật (Cấp thoát nước) hoặc thiết kế xây dựng công trình (cấp nước – thoát nước) hạng III trở lên, còn hiệu lực</i>	<i>Chủ trì thiết kế cấp thoát nước</i>	<i>1</i>	<i>6,00</i>		<i>4,20</i>

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	<p>- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV).</p> <p>- Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu.</p> <p>- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm đánh giá cho Mục 4.5 bằng 0 điểm.</p>					
4.5.1	<p>- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành cấp thoát nước</p>			2,00	<p>- Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm</p> <p>- Không có bằng cấp phù hợp: 0 điểm</p>	
4.5.2	<p>Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì thiết kế cấp thoát nước thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <p>+ Hợp đồng tư vấn;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh về quy mô, loại, cấp công trình tham gia thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc tài liệu khác tương đương.</p> <p>+ Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương</p> <p>+ Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn</p>			4,00	<p>- ≥ 02 dự án (công trình): 4,0 điểm</p> <p>- 01 dự án (công trình): 2,8 điểm</p> <p>- Không có kinh nghiệm: 0 điểm</p>	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.6	<p><i>Chủ trì thiết kế điện</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành điện - Có chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình, hạng III trở lên, còn hiệu lực - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV). - Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu. - Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm đánh giá cho Mục 4.6 bằng 0 điểm. 	Chủ trì thiết kế điện	1	6,00		4,20
4.6.1	- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành điện			2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm - Không có bằng cấp phù hợp: 0 điểm 	
4.6.2	<p>Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì thiết kế điện thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III trở lên</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng tư vấn; + Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương + Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn 			4,00	<ul style="list-style-type: none"> - \geq 02 dự án (công trình): 4,0 điểm - 01 dự án (công trình): 2,8 điểm - Không có kinh nghiệm: 0 điểm 	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.7	<p><i>Chủ trì thiết kế đường giao thông</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tốt nghiệp chuyên ngành công trình giao thông hoặc giao thông đường bộ hoặc công nghệ kỹ thuật giao thông.</i> - <i>Có chứng chỉ hành nghề tư vấn thiết kế công trình giao thông đường bộ còn hiệu lực.</i> - <i>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV).</i> - <i>Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu.</i> - <i>Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm đánh giá cho Mục 4.7 bằng 0 điểm.</i> 	<i>Chủ trì thiết kế đường giao thông</i>	<i>1</i>	<i>6,00</i>		<i>4,20</i>
4.7.1	- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành công trình giao thông hoặc giao thông đường bộ hoặc công nghệ kỹ thuật giao thông			2,00	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm - Không có bằng cấp phù hợp: 0 điểm 	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.7.2	<p>Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì thiết kế công trình giao thông thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc giao thông đường bộ cấp III trở lên</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <p>+ Hợp đồng tư vấn;</p> <p>+ Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương</p> <p>+ Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn</p>			4,00	<p>- ≥ 02 dự án (công trình): 4,0 điểm</p> <p>- 01 dự án (công trình): 2,8 điểm</p> <p>- Không có kinh nghiệm: 0 điểm</p>	
4.8	<p><i>Chủ trì lập dự toán</i></p> <p>- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế xây dựng, kinh tế kỹ thuật và các ngành kỹ thuật có liên quan</p> <p>- Có chứng chỉ hành nghề định giá còn hiệu lực</p> <p>- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh theo quy định tại E-CDNT 10.3 Chương II và Bản Lý lịch chuyên gia tư vấn (Theo Mẫu số 07 Chương IV).</p> <p>- Nhà thầu không bố trí nhân sự kiêm nhiệm vị trí khác trong gói thầu.</p> <p>- Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên điểm đánh giá cho Mục 4.8 bằng 0 điểm.</p>	Chủ trì lập dự toán	1	6,00		4,20
4.8.1	<p>- Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế xây dựng, kinh tế kỹ thuật và các ngành kỹ thuật có</p>			2,00	<p>- Tốt nghiệp đại học trở lên: 2 điểm</p> <p>- Không có bằng cấp phù hợp:</p>	

STT	Tiêu chuẩn			Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	liên quan				0 điểm	
4.8.2	<p>Kinh nghiệm ở vị trí Chủ trì lập dự toán thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III trở lên</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hợp đồng tư vấn; + Tài liệu chứng minh về quy mô, loại, cấp công trình tham gia thực hiện: Quyết định phê duyệt dự án hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc tài liệu khác tương đương. + Một trong các tài liệu sau: Xác nhận của Chủ đầu tư, BBNT nghiệm thu khối lượng tư vấn, quyết định thành lập tổ tư vấn hoặc tài liệu khác tương đương + Mẫu số 07. Lý lịch chuyên gia tư vấn 			4,00	<ul style="list-style-type: none"> - ≥ 02 dự án (công trình): 4,0 điểm - 01 dự án (công trình): 2,8 điểm - Không có kinh nghiệm: 0 điểm 	
	Tổng cộng (100%)			100		70

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

3.2 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSĐXTC đang xét;
 + $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSĐXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 80%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 20%;

+ $K + G = 100\%$;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc			X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X

10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				
11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí			X

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU**1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói: Áp dụng**

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Khảo sát cấp ngầm		
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình IV	100 ha	0,0060
2	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	6,0
3	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	10,0
4	Điều tra, thu thập tài liệu, vị trí đầu nối điện	Công	10,0

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá: Không áp dụng

Mẫu số 01B

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Không áp dụng</i>		

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian: Áp dụng

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
<i>I</i>	Tư lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán theo quy định tại Điều khoản tham chiếu ở Chương V

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu số 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Mẫu số 01C áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**(thuộc E-HSDXKT)**

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____ (Ghi tên Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ____ [Ghi tên nhà thầu], Mã số thuế: ____ [Ghi Mã số thuế nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] số E-TBMT: ____ [Ghi số thông báo mời thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT là ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền).

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [Ghi ngày]

Gói thầu: ___ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [Ghi tên dự án]

Căn cứ⁽¹⁾ ___Căn cứ E-HSMT gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: ___
[Ghi số thông báo mời thầu]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Ghi tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Ghi tên dự án*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Ghi tên thành viên liên danh được phân công*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- _____ - _____	- _____% - _____%
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____% - _____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Ghi tên dự án*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số/ký ghi rõ họ tên, ghi chức danh, đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*xác nhận, chữ ký số/ký ghi rõ họ tên, ghi chức danh, đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân

chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ *[Ghi số năm]*¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	<i>[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]</i>
Tên chuyên gia tư vấn:	<i>[điền tên đầy đủ]</i>
Ngày sinh:	<i>[ngày/tháng/năm]</i>
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bổ trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	... ²	
I	Nhân sự chủ chốt³								
1	Nguyễn Văn A		[Nhà thầu điện]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				
					[Thực địa]				
2					[Công ty]				
					[Thực địa]				
								
	Số công nhân sự chủ chốt								
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điện]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				
					[Thực địa]				
2				[Công ty]				
					[Thực địa]				
	Số công nhân sự khác								

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 BDL có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 BDL.
- (2) Hạng mục công việc được lập theo Mẫu số 08.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ___ [Ghi ngày]

Tên gói thầu: ___ [Ghi tên gói thầu]

Kính gửi: ___ [Ghi tên Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Ghi tên nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] số E-TBMT: ___ [Ghi số thông báo mời thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC là ___ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ký bằng chữ ký số của nhà thầu/Ghi tên,
chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]	Công ty	[Nhà thầu điện từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Nhà thầu điện từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II	Nhân sự khác						
1	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]	Công ty	[Nhà thầu điện từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Nhà thầu điện từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Nhà thầu điện theo Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
						Tổng cộng	(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Được Nhà thầu trích xuất từ Mẫu số 09.

- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- (6) (7): Nhà thầu tính

Mẫu số 12A (Scan đính kèm)

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Nhà thầu tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Cột (3): Hệ thống tự động tính

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Nhà thầu trích xuất từ Mẫu 12, 13, 14

Tổng chi phí: Nhà thầu tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn đề xuất về tài chính

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực các chung cư cũ Vạn Mỹ và 311 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền.

1.2. Mục tiêu dự án

- Thực hiện di chuyển người và tài sản của các hộ dân sinh sống tại chung cư Vạn Mỹ và 311 Đà Nẵng để đảm bảo an toàn.

- Xây dựng hạ tầng khu nhà ở tái định cư, hạ tầng xã hội phục vụ tái định cư tại chỗ; tạo quỹ đất dự phòng để phục vụ nhu cầu bố trí tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án khác trên địa bàn quận; tạo quỹ đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để tăng thu ngân sách nhà nước.

- Cải thiện, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của khu vực phục vụ mục tiêu chỉnh trang đô thị, phát triển kinh tế, xã hội của quận Ngô Quyền nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy hoạch

1.3. Quy mô đầu tư

- Giải phóng mặt bằng trong phạm vi 05 tòa chung cư cũ thuộc khu vực 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, 11 tòa chung cư cũ thuộc khu vực phường Vạn Mỹ và các hộ dân trong khuôn viên các tòa chung cư trên khu đất có diện tích khoảng 10,07 ha, không bao gồm trường Mầm non Sao Sáng 3.

- Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư với diện tích khoảng 4,5ha; gồm các hạng mục công trình: San lấp mặt bằng, đường giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, cấp điện chiếu sáng, trồng cây xanh hè phố, bố trí 267 lô để phục vụ nhu cầu tái định cư cho các dự án trên địa bàn quận và tái định cư tại chỗ.

- Xây dựng hệ thống vườn hoa, cây xanh với diện tích khoảng 1,2ha; bao gồm các hạng mục công trình: San lấp mặt bằng, sân đường đi dạo trong vườn hoa, hệ thống cấp, thoát nước, cấp điện chiếu sáng đồng bộ, trồng cây bóng mát, cây trang trí, thảm cỏ.

- Quy mô công suất, khả năng phục vụ, quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật công trình chính thuộc dự án:

1.3.1. Tổng mặt bằng

Tổng diện tích khu thực hiện Dự án là 96.632,74m² đã được Ủy ban nhân dân Quận Ngô Quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 06/3/2025, các chỉ tiêu sử dụng đất toàn bộ khu đất cụ thể

như sau:

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa	Tầng hầm tối đa	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở		14.511,65			15,02
1.1	Đất nhà ở liền kề (tái định cư)	TĐC	14.511,65	7		
2	Đất công trình hạ tầng xã hội		36.563,25			37,84
2.1	Đất thương mại dịch vụ		18.766,32	25	2	19,42
	<i>Đất thương mại dịch vụ 1</i>	<i>TM1</i>	<i>11.081,42</i>			
	<i>Đất thương mại dịch vụ 2</i>	<i>TM2</i>	<i>7.684,90</i>			
2.2	Đất công cộng (trạm y tế)	YT	604,04	5		0,63
2.3	Đất giáo dục (Trường mầm non Sao Sáng 3)	GD	5.537,53	5		5,73
2.4	Đất cây xanh - TĐTT		11.655,36			12,06
	<i>Đất cây xanh 1 (phường Vạn Mỹ)</i>	<i>CX1</i>	<i>6.021,84</i>			
	<i>Đất cây xanh 2 (phường Vạn Mỹ)</i>	<i>CX2</i>	<i>1.335,73</i>			
	<i>Đất cây xanh 3 (phường Vạn Mỹ)</i>	<i>CX3</i>	<i>296,66</i>			
	<i>Đất cây xanh 4 (phường Cầu Tre)</i>	<i>CX4</i>	<i>4.001,13</i>			
3	Đất cơ quan, trụ sở	CQ	3.048,34	5		3,15
4	Đất an ninh	AN	1.744,71	5		1,81
5	Đất bãi đỗ xe		6.217,85			6,43
5.1	Đất bãi đỗ xe trong nhà (nhà để xe cao tầng)	NX	4.955,37	5		
5.2	Đất bãi đỗ xe ngoài trời	P	1.262,48			
6	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	KT	234,18			0,24
7	Đất giao thông		34.312,76			35,51
7.1	<i>Đất giao thông (phường Vạn Mỹ)</i>		<i>30.820,71</i>			
7.2	<i>Đất giao thông (phường Cầu Tre)</i>		<i>3.492,05</i>			

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa	Tầng hầm tối đa	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích			96.632,74			100,00

1.3.2. Chuẩn bị mặt bằng

Phá dỡ các công trình hiện trạng gồm: 05 tòa chung cư thuộc khu vực 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre; 11 tòa chung cư cũ thuộc phường Vạn Mỹ và các hộ dân trong khuôn viên các tòa chung cư cũ.

1.3.3. San nền

San nền bằng cát hạt mịn đầm chặt $K \geq 0,90$ tại các khu vực vườn hoa, khu tái định cư, tổng diện tích san nền 28.155,86m²; Cao độ san nền +2,30m (cao độ lục địa).

1.3.4. Giao thông

1.3.4.1. Đường giao thông.

- Hệ thống đường giao thông gồm 15 tuyến đường, tổng chiều dài là 2.253,34m, với quy mô mặt cắt như sau:

STT	Tên tuyến đường	Chiều dài tuyến đường (m)	Bề rộng hè trái (m)	Bề rộng mặt đường (m)	Bề rộng hè phải (m)	Bề rộng nền đường (m)
1	Tuyến 1	169,55	5,00	10,50	5,00	20,50
2	Tuyến 2	170,90	5,00	10,50	5,00	20,50
3	Tuyến 3	111,91	3,00	9,00	3,00	15,00
4	Tuyến 4	82,46	3,00	9,00	3,00	15,00
5	Tuyến 5	222,13	3,00	9,00	3,00	15,00
6	Tuyến 6	393,06	3,00	7,50	3,00	13,50
7	Tuyến 7	109,60	3,00	7,50	3,00	13,50
8	Tuyến 8	109,60	3,00	7,50	3,00	13,50
9	Tuyến 9	109,60	3,00	7,50	3,00	13,50
10	Tuyến 10	109,60	3,00	7,50	3,00	13,50
11	Tuyến 11	109,60	3,00	7,50	3,00	13,50
12	Tuyến 12	109,60	3,00	7,50	3,00	13,50
13	Tuyến 13	226,64	3,00	9,00	3,00	15,00
14	Tuyến 14	61,85	3,00	9,00	3,00	15,00

STT	Tên tuyến đường	Chiều dài tuyến đường (m)	Bề rộng hệ trái (m)	Bề rộng mặt đường (m)	Bề rộng hệ phải (m)	Bề rộng nền đường (m)
15	Tuyến 15	157,24	3,00	9,00	3,00	15,00
	Tổng:	2.253,34				

- Mặt đường thiết kế loại kết cấu áo đường mềm cấp cao A1, $E_{yc} \geq 120 \text{Mpa}$.

- Kết cấu nền, mặt (các lớp từ trên xuống) như sau: Bê tông nhựa chặt rải nóng BTNC12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5 \text{kg/m}^2$; Bê tông nhựa chặt rải nóng BTNC19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{kg/m}^2$; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm; cấp phối đá dăm loại 2 dày 20cm; đất núi dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,98$; cát mịn dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,98$; đáy khuôn đào lu lèn độ chặt $K \geq 0,95$.

1.3.4.2. *Via hè.*

- Kết cấu vỉa hè (các lớp từ trên xuống) như sau: Lát gạch Block tự chèn men bóng dày 6cm; cát mịn dày 5cm gia cố 8% xi măng; cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm; cát hạt mịn dày 30cm đầm chặt $K \geq 0,95$; đáy khuôn đào lu lèn độ chặt $K \geq 0,95$.

- Bó vỉa hè: Cấu tạo bó vỉa bằng viên BTXM đúc sẵn M250 đá 1x2; VXM M75 dày 2cm; lót móng bê tông đá 2x4 M150 dày 10cm. Bó vỉa hè kích thước (23x32x100)cm dùng cho đoạn hè thẳng, kích thước (23x32x50)cm dùng trong đoạn hè có bán kính cong; bố trí các lồi lên xuống cho người khuyết tật.

- Đan rãnh bằng BTXM đúc sẵn M250 đá 1x2, kích thước (50x30x6)cm; VXM M75 dày 2cm; lót móng bê tông đá 2x4 M150 dày 10cm. Bó hè xây gạch đặc dày 110mm VXM M75.

1.3.4.3. *An toàn giao thông.*

Hệ thống đảm bảo an toàn giao thông, gồm: Vạch sơn mặt đường và các biển báo hiệu giao thông theo quy định tại QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

1.3.4.4. *Cây xanh hè phố.*

Cây xanh được trồng trong ô trồng cây trên hè hai bên các tuyến đường giao thông, dự kiến trồng các loại cây Phượng vĩ, Bằng lăng, Sấu, Xoài... khoảng cách trung bình 8 - 10m/cây (giữa hai nhà đối với vị trí các lô đất tái định cư); Cấu tạo ô trồng cây bằng viên BTXM đúc sẵn M250, kích thước 150x150cm.

1.3.5. *Cấp nước*

- Nguồn cấp: Từ nhà máy nước An Dương qua đường ống D400 hiện trạng dọc theo trục đường Đà Nẵng; Các điểm đầu nổi cấp nước, gồm:

+ Điểm đầu nối số 1: đường ống DN50 cấp nước cho Dự án đầu nối với tuyến ống cấp nước D200 hiện trạng chôn ngầm dưới tuyến Ngõ 313.

+ Điểm đầu nối số 2: đường ống DN250 chờ cấp nước cho dự án đầu nối với tuyến ống cấp nước D400 hiện trạng chôn ngầm dưới vỉa hè đường Đà Nẵng.

+ Điểm đầu nối số 3: đường ống DN200 cấp nước cho dự án đầu nối với tuyến ống cấp nước D300 hiện trạng chôn ngầm dưới vỉa hè đường Vạn Mỹ.

+ Điểm đầu nối số 4: đường ống DN63 cấp nước cho dự án đầu nối với tuyến ống cấp nước DN63 hiện trạng chôn ngầm dưới vỉa hè đường Vạn Mỹ.

+ Điểm đầu nối số 5: đường ống DN180 chờ cấp nước cho dự án đầu nối với tuyến ống cấp nước DN180 hiện trạng chôn ngầm dưới vỉa hè đường Đà Nẵng.

- Các tuyến ống cấp nước trong Dự án: sử dụng ống HDPE DN250, DN200, DN180, DN90, DN63, DN50, DN40 chôn ngầm dưới vỉa hè và lòng đường nội bộ trong Dự án.

- Các tuyến cấp nước PCCC: sử dụng ống HDPE DN180 chôn ngầm dưới vỉa hè và lòng đường nội bộ trong Dự án. Bố trí 13 trụ cứu hỏa D100 rải đều trên mặt bằng.

- Cấp nước cho các hộ dân cư khu tái định cư: sử dụng ống HDPE DN50 chôn ngầm dưới vỉa hè sát mép nhà dân.

- Bố trí các họng chờ cấp nước cho các lô đất xây dựng công trình.

1.3.6. Hệ thống thoát nước

1.3.6.1. Thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải; Nước mưa tại khu 311 Đà Nẵng được thu gom thông qua các tuyến cống D600 chôn ngầm dưới lòng đường, vỉa hè các tuyến đường nội bộ và các tuyến cống D400 (ngang đường) thoát vào 02 tuyến cống D600 đầu nối tuyến cống hộp hiện trạng (BxH=2000x1600) trên đường Đà Nẵng; nước mưa tại khu vực các chung cư cũ Vạn Mỹ được thu gom thông qua các tuyến cống D600, D800 chôn ngầm dưới lòng đường, vỉa hè các tuyến đường nội bộ và các tuyến cống D400 (ngang đường) thoát vào 02 tuyến cống trục D1000 đầu nối tuyến cống hộp hiện trạng (BxH=1300x1700) trên đường Đà Nẵng.

- Sử dụng cống BTCT đúc ly tâm D400-1000, tải trọng cấp cao (C). Móng cống BTCT đá 1x2, M250 đúc sẵn, lót móng đá 4x6 dày 10cm. Bố trí các hố ga thu thăm trên tuyến cống.

- Hố ga thăm cống D1000 (dưới lòng đường): Kích thước lòng hố ga (130x160)cm. Đáy ga, tường ga BTCT M250, lót móng đá dăm dày 20cm; nắp ga BTCT M250 dày 20cm có tấm nắp bằng gang đúc.

- Hồ ga thu thăm cống D800 (dưới lòng đường): có 02 loại (kích thước lòng hồ ga (90x120)cm và kích thước lòng hồ ga (120x120)cm. Tường hồ ga xây gạch đặc dày 220mm, trát tường trong bằng VXM mác 75 dày 2cm; đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm; lót móng đá dăm dày 10cm. Tấm thu nước BTCT M250 đá 1x2 dày 8cm. Tấm đan hồ ga BTCT M250 đá 1x2 dày 20cm. Nắp ga BTCT M250 có tấm nắp bằng gang đúc; Lưới chắn rác bằng composite.

- Hồ ga thu thăm cống D600 (dưới lòng đường): Kích thước lòng hồ ga (90x90)cm; Tường hồ ga xây gạch đặc dày 220mm, trát tường trong bằng VXM mác 75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm; lót móng đá dăm dày 10cm. Tấm thu nước BTCT M250 đá 1x2 dày 8cm. Tấm đan hồ ga BTCT M250 đá 1x2 dày 20cm. Tấm đan hồ ga BTCT M250 đá 1x2 dày 20cm. Nắp ga BTCT M250 có tấm nắp bằng gang đúc; Lưới chắn rác bằng composite.

- Hồ ga giao cắt thoát nước mưa D600 - thoát nước thải DN200 và DN315: kích thước lòng hồ ga (90x90)cm. Tường hồ ga xây gạch đặc dày 220mm, trát tường trong bằng VXM mác 75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Tấm đan hồ ga BTCT M250 đá 1x2 dày 20cm. Tấm nắp ga bằng gang đúc.

- Hồ ga thăm cống D400 (dưới vỉa hè): Kích thước lòng hồ ga (80x80)cm. Tường hồ ga xây gạch đặc dày 220, trát tường trong bằng VXM mác 75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm; lót móng đá dăm dày 10cm. Tấm đan hồ ga BTCT M250 đá 1x2 dày 15cm có nắp ga bằng composite.

- Hồ thu nước tại mép đường bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn. Lòng hồ thu kích thước (60x85)cm. Lắp đặt lưới chắn rác bằng composite.

1.3.6.2. Hệ thống thoát nước thải.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước thải của Dự án gồm các tuyến cống DN200, DN315 gom nước thải dẫn về Trạm xử lý nước thải đặt tại phía Bắc khu đất. Nước thải sau khi được xử lý tại Trạm được bơm cưỡng bức dẫn về tuyến cống thoát nước mưa D600 hiện trạng chôn ngầm dưới đường Vạn Mỹ.

- Sử dụng ống u.PVC DN200, u.PVC DN315 đặt trên lớp cấp phối đá dăm dày 15cm đầm chặt. Bố trí các hồ ga thu thăm trên tuyến ống.

- Các hồ ga tuyến cống DN200: Kích thước lòng ga (60x60)cm, tường hồ ga xây gạch đặc dày 220, trát tường trong lòng hồ ga vữa XM M75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm; lót móng đá dăm dày 10cm. Giếng cổ ga BTXM M 250 đá 1x2 có bố trí khung thép hình L75x75x6. Tấm đan hồ ga bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 8cm có bố trí khung thép hình L63x63x6.

- Các hồ ga tuyến cống DN315: Kích thước lòng ga (70x70)cm, tường hồ ga xây gạch đặc dày 220, trát tường trong lòng hồ ga vữa XM M75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm; lót móng đá dăm dày 10cm. Giếng cổ ga BTXM M 250 đá 1x2 có bố trí khung thép hình L75x75x6. Tấm đan hồ ga bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 10cm có bố trí khung thép hình L63x63x6.

1.3.6.3. Trạm xử lý nước thải.

- Trạm xử lý nước thải công suất 335m³/ngày đêm, gồm cụm bể bằng BTCT M200 toàn khối có kích thước (32,5x5,00x3,80)m; cấu tạo bể gồm: bể thu gom, bể điều hòa, bể thiếu khí và bể hiếu khí, bể lắng bùn hoạt tính, bể chứa bùn, bể khử trùng...;

- Nhà đặt thiết bị: Quy mô 01 tầng, diện tích khoảng 15m², cao 3,0m từ mặt bể hoàn thiện đến đỉnh mái, tường xây gạch, mái BTCT.

1.3.7. Hệ thống công bể cáp ngầm viễn thông

- Trục chính đặt 02 tuyến u.PVC ống D110mm chôn ngầm dưới vỉa hè để đến điểm kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông. Bố trí bể cáp tại các vị trí thích hợp để thuận tiện cho việc khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa.

- Khu tái định cư lắp đặt ống chờ luôn cáp dọc hai bên hè đường sát lô đất tái định cư, bố trí bể cáp SH, bể cáp Ganivo. Lắp đặt các tuyến ống D34mm ống u.PVC – PN6 từ bể SH, bể Ganivo đặt sát chân tường giữa 2 lô đất tái định cư.

- Bể cáp gồm các loại bể BT đúc sẵn và bể xây gạch theo tiêu chuẩn TCVN 8700:2011 - công, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cáp viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật.

1.3.8. Cấp điện

1.3.8.1. Đường cáp ngầm 22kV và các trạm biến áp, trạm cắt 22kV:

a) Đường cáp ngầm 22kV:

Đường cáp ngầm 22kV được thiết kế theo kiểu mạch vòng khép kín vận hành hở giữa các lộ 471 E2.5, 480E2.5 và 484 E2.5 (lộ xây dựng mới).

- Lộ 471 E2.5: giữ nguyên theo kết lưới hiện trạng (đường trục Cầu Tre 1- Thủy Tinh 2 – Đà Nẵng 2).

- Lộ 480E2.5: kéo mới tuyến cáp ngầm 22kV – Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x300mm² từ TBA Vạn Mỹ 6A đến TBA Vạn Mỹ 1 sau di chuyển; kéo mới tuyến cáp ngầm 22kV – Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x300mm² từ TBA Vạn Mỹ 1 sau di chuyển trả tuyến đến hộp nối cáp lắp mới trên vỉa hè đường Đà Nẵng kết lưới về TBA Vạn Mỹ 4. Sau cải tạo, lộ 480E2.5 sẽ cấp điện cho các TBA hiện hữu và các TBA sau di chuyển: Vạn Mỹ 5 – Mường Cầu Tre 2 - Vạn Mỹ 4 – Vạn Mỹ 1 - Vạn Mỹ 6A - Vạn Mỹ 6 – Vạn Mỹ 2. + Lộ 484 E2.5 (lộ xây dựng mới): kéo mới tuyến cáp ngầm 3 pha 22kV – Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC - W 3x300mm² từ ngăn tủ 22kV trong trạm biến áp 110kV Cửa Cấm đến vị trí tủ RMU số 2 trong khu dự án để cấp điện cho các phụ tải hiện trạng và dự kiến của khu vực dự án (phương án cấp điện: tủ ngăn lộ 484E2.5 – TBA XDM 1000kVA – tủ RMU số 1 – TBA 250kVA Trường mầm non Sao Sáng 3 – Tủ RMU số 2).

Phương án kết lưới giữa các lộ 484 E2.5, 471 E2.5 và 480E2.5: lộ 484 E2.5 (xây dựng mới) kết lưới với lộ 480E2.5 thông qua tuyến cáp ngầm 22kV – Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x300mm² từ tủ RMU số 2 về TBA Vạn Mỹ 1; lộ

480E2.5 kết lưới với lộ 471 E2.5 thông qua tuyến cáp ngầm 22kV – Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x300mm² từ TBA Vạn Mỹ 4 về TBA Thủy Tinh 2. - Trạm cắt (dây tủ RMU): làm điểm đầu chờ cáp điện cho trung tâm thương mại và khu nhà để xe cao tầng. Mỗi dây tủ được bố trí 4 ngăn tủ cầu dao phụ tải 22kV/630A-20kA/s vào, ra. Vỏ trạm cắt được thiết kế để lắp đặt 4 ngăn tủ RMU 22kV (có để khoảng trống dự phòng ghép thêm tủ).

b) Trạm biến áp:

Xây dựng mới trạm biến áp có công suất 1000kVA-22/0,4kV để cấp điện cho các hộ dân trong khu tái định cư, khu cơ quan trụ sở, khu bể xử lý nước thải, trạm y tế thuộc dự án.

Trạm biến áp xây dựng mới có kết cấu kiểu trạm kios hợp bộ có kích thước D_xR_xC=4200mmx3200mmx2700mm, vỏ trạm bằng tôn dày 2mm, trạm gồm 3 khoang: khoang trung thế 22kV lắp đặt hệ thống tủ RMU 22kV; khoang máy biến áp đặt máy biến áp 1000kVA-22/0,4kV; khoang hạ thế lắp đặt tủ hạ thế.

Tủ trung thế hợp bộ 22kV lắp mới có 03 ngăn tủ RMU 22kV có khả năng mở rộng được và có dự phòng để lắp đặt thêm 01 ngăn CDPT 22kV; các ngăn tủ RMU gồm: 01 ngăn tủ máy cắt 24kV/630A bảo vệ tổng, 01 ngăn tủ CDPT 24kV/63A và 01 ngăn CDPT 24kV/200A đi MBA 1000kVA.

1.3.8.2. Di chuyển các TBA Vạn Mỹ 5 – 630kVA-22/0,4kV, TBA Vạn Mỹ 1 – 400kVA-22/0,4kV, thu hồi TBA Vạn Mỹ 7 nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án.

Kết cấu TBA Vạn Mỹ 5 – 630kVA-22/0,4kV, TBA Vạn Mỹ 1 – 400kVA-22/0,4kV sau di chuyển được thiết kế kiểu trạm biến áp 1 trụ (kiểu 3 trong 1): máy biến áp đặt trên đầu trụ thép “trụ đỡ MBA”, bệ trụ đỡ bằng BTCT. Bên trong trụ tích hợp tủ trung thế RMU 24kV/630A loại 3 ngăn (1 ngăn CDPT 630A cho đường cáp đến, 1 ngăn CDPT 630A cho đường cáp đi và 01 ngăn CDPT 200A + CCO và tủ hạ thế tổng ra máy biến áp).

1.3.8.3. Xây dựng, di chuyển hệ thống lưới điện hạ thế:

- Xây dựng các xuất tuyến hạ thế sau TBA 1000kVA-22/0,4kV để cấp điện cho các hộ dân trong khu tái định cư, khu cơ quan trụ sở, khu bể xử lý nước thải, trạm y tế thuộc dự án. Cáp hạ thế sử dụng cáp ngầm loại 0,6/1kV - Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC có các tiết diện 3x70+1x50mm², 3x120+1x95mm², 3x150+1x120mm².

- Thu hồi các xuất tuyến cáp vắn xoắn hạ thế cấp điện cho dân cư hiện hữu đang nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng; xây dựng các xuất tuyến hạ thế sau các trạm biến áp Mường Cầu Tre 3, Vạn Mỹ 5, Vạn Mỹ 1, Vạn Mỹ 6A, Vạn Mỹ 2, Vạn Mỹ 6 bằng cáp ngầm đi dưới vỉa hè theo mặt bằng quy hoạch để cấp điện cho khu dân cư hiện hữu và trả nguồn cho lưới điện hiện trạng. Cáp hạ thế sử dụng cáp ngầm loại 0,4kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC có tiết diện 3x120+1x95mm², 3x150+1x120mm², cáp vắn xoắn 4x95mm² và 4x120mm².

1.3.8.4. Hệ thống điện chiếu sáng đường nội bộ:

- Nguồn cấp: Từ 03 TBA (TBA 1000kVA-22/0,4kV lắp đặt mới, TBA Vạn Mỹ 1A, TBA Thủy Tinh 2).

- Lắp đặt hệ thống cột đèn chiếu sáng cao 10m (chiều cao gồm cả chiều cao cần đèn) bằng thép bát giác mạ kẽm nhúng nóng rời cần đơn, khoảng cách 30-35m /vị trí; bóng đèn loại LED 120W.

- Sử dụng cáp ngầm hạ thế, toàn bộ tuyến cáp được đặt trong HDPE 85/65 theo quy định; Cáp ngầm được nối liên tiếp từ tủ điện điều khiển tới các vị trí cột đèn chiếu sáng thông qua các cầu đấu đặt tại bảng đầu dây trong cột. Cáp lên đèn, sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC 3*2,0 (đã bao gồm 1 dây tiếp địa vỏ pha đèn).

1.3.9. Vườn hoa

1.3.9.1. Vườn hoa số 1: Diện tích khoảng 6.021,84m².

a) Đường dạo:

- Các tuyến đường dạo có tổng diện tích mặt đường dạo khoảng 2.001,11m², đường dạo gồm 3 loại có bề rộng 10,0m, 6,0m và 2,0m.

- Kết cấu đường dạo (các lớp từ trên xuống): Lát gạch bê tông giả đá (30x60x5)cm; lót VXM mác 75 dày 2cm; BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm; Rải nilon chống mất nước xi măng; Cáp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

- Bó vỉa mép đường dạo: Tổng chiều dài khoảng 950m; sử dụng viên BTXM đúc sẵn, kích thước (15x30x100)cm; Lót vữa XM M75 dày 2cm; Lót móng BT đá 2x4 M150 dày 10cm.

b) Trồng cây xanh, thảm cỏ:

- Cây tầng cao: Trồng kết hợp các loại gồm cây Gạo đỏ, Osaka vàng, Ban Tây bắc, Vàng anh, Phượng vĩ, Giáng hương. Đường kích gốc các loại cây từ 15cm - 50cm; chiều cao từ 4,5m - 8,0m.

- Cây tầng thấp: Trồng cây hoa Mẫu đơn thành viền ven đường dạo, bề rộng viền cây 50cm, chiều cao 60cm.

- Cây trồng thảm: Trồng cỏ lá gừng toàn bộ diện tích mặt đất vườn hoa.

c) Cấp nước:

- Nguồn cấp: đầu nối từ đầu cấp DN50 chờ sẵn từ tuyến ống DN180 cấp nước của dự án. Sử dụng ống HDPE DN32 cấp nước để phục vụ nhu cầu tưới cây, rửa sân, đường dạo; sử dụng ống HDPE DN50 cấp nước cho Nhà vệ sinh công cộng.

- Bố trí các hộp vòi tưới cây bằng Inox, kích thước 200x150x200mm, nhô lên khỏi mặt đất 50mm; trong hộp lắp đặt van khóa hai chiều DN15 và đầu chờ nối với ống mềm tưới cây; Van khóa đặt trên gối đỡ BTXM M150, đá 2x4.

d) Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa để thu nước mặt đường dạo và nước tràn mặt vườn hoa. Nước mưa được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Dự án. Sử dụng ống D200, bố trí các hố ga thăm, thu trên tuyến ống, mép đường dạo và các hố ga thu nước mặt vườn hoa.

- Hố ga thăm: Kích thước lòng hố ga (60x60)cm; tường hố ga xây gạch đặc dày 220mm, VXM M75; trát tường trong VXM M75 dày 2cm; Đáy ga BTXM M200 đá 1x2 dày 20cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Tấm đan BTCT M250 đá 1x2 dày 8cm có khung thép hình L80x80x6; giằng cổ ga BTXM M250 đá 1x2 dày 22cm có khung thép hình L80x80x6.

- Hố ga thu nước tràn mặt vườn hoa: Kích thước lòng hố ga (58x58)cm tường hố ga xây gạch đặc dày 110, VXM M75. Giằng cổ ga BTXM M250 đá 1x2 dày 10cm. Trát tường trong VXM M75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Lưới chắn rác hố ga bằng composite được bắt bulong vào giằng cổ ga.

- Hố thu nước mép đường dạo: kích thước lòng hố ga (87x44)cm tường hố ga xây gạch đặc dày 110, VXM M75; trát tường trong VXM M75 dày 2cm; Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Giằng cổ ga BTXM M 250 đá 1x2 dày 10cm. Lưới chắn rác bằng composite.

- Hệ thống thoát nước thải gồm tuyến ống u.PVC D200 dẫn nước thải đã xử lý cục bộ tại bể phốt của nhà vệ sinh công cộng đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Dự án.

đ) Điện chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện: Từ hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà của Dự án. Bố trí 01 tủ điện chiếu sáng (Tủ CS1) để điều khiển hệ thống điện chiếu sáng của vườn hoa, tự động đóng cắt bằng rơ le thời gian, điều chỉnh chế độ đóng cắt theo mùa và chế độ ngắt lộ và vận hành được bằng tay giúp quá trình sửa chữa được thuận tiện, tiết kiệm điện năng tiêu thụ; Lắp đặt hệ thống tiếp địa cho hệ thống;

- Bố trí các cột đèn trang trí bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, cao 3,45m. Trên mỗi cột lắp 2 cầu D300, bóng LED 18W; Móng cột đèn BTXM đúc sẵn.

e) Thiết bị tiện ích công cộng:

- Bố trí các ghế đá tự nhiên mài bóng và các thùng rác loại 3 ngăn phân bố đều trên các tuyến đường dạo.

- Thiết bị thể dục thể thao ngoài trời gồm: thang thể lực + xà đơn; thiết bị xoay eo đứng; thiết bị tập lưng hông (02 bộ); thiết bị tập xà kép; thiết bị kéo dẩy tay; thiết bị xe đạp thể lực; thiết bị tập tay đôi ...

g) Nhà vệ sinh công cộng:

- Nhà vệ công cộng cấu tạo khung inox hộp, phía ngoài ốp tấm Alumec, phía trong ốp lát gạch ceramic; diện tích 12m² (chia làm 02 buồng nam/nữ); Chiều cao từ cốt nền tới đỉnh mái 2,8m; Mái lợp tôn mạ màu;

- Kết cấu: móng bê BTCT M200 đá 1x2 dày 20cm đặt trên lớp bê tông lót móng mác 150 đá 4x6 dày 10cm;

- Thiết bị: Buồng vệ sinh nam lắp đặt 01 xí bệt, 01 tiểu nam, 01 chậu rửa; 01 thùng rác; Buồng vệ sinh nữ lắp đặt 01 xí bệt; 01 chậu rửa; 01 thùng rác.

1.3.9.2. Vườn hoa số 2 + Bãi đỗ xe ngoài trời:

Tổng diện tích Vườn hoa số 2 và bãi đỗ xe ngoài trời khoảng 2.597,21 m², trong đó: Diện tích vườn hoa khoảng 1.335,73m²; diện tích bãi đỗ xe ngoài trời khoảng 1.262,48m².

a) Đường dạo:

- Các tuyến đường dạo có tổng diện tích mặt đường dạo khoảng 414,84m², đường dạo gồm 2 loại có bề rộng 3,0m và 2,0m.

- Kết cấu đường dạo (các lớp từ trên xuống): Lát gạch bê tông giả đá (30x60x5)cm; lót VXM mác 75 dày 2cm; BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm; Rải nilon chống mất nước xi măng; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

- Bó vỉa mép đường dạo: Tổng chiều dài khoảng 531,60m; sử dụng viên BTXM đúc sẵn, kích thước (15x30x100)cm; Lót vữa XM M75 dày 2cm; Lót móng BT đá 2x4 M150 dày 10cm.

b) Trồng cây xanh, thảm cỏ:

- Cây tầng cao: Trồng cây Hoàng Nam xung quanh vườn hoa, chiều cao khoảng 8,0m.

- Cây tầng thấp: Trồng cây hoa Mẫu đơn thành viền ven đường dạo, bề rộng viền cây 50cm, chiều cao 60cm.

- Cây trồng thảm: trồng cỏ lá gừng toàn bộ diện tích mặt đất vườn hoa.

c) Cấp nước:

- Nguồn cấp: đầu nối từ đầu cấp DN50 chờ sẵn từ tuyến ống DN180 cấp nước của dự án. Sử dụng ống HDPE DN32 cấp nước để phục vụ nhu cầu tưới cây, rửa sân, đường dạo; sử dụng ống HDPE DN50 cấp nước cho Nhà vệ sinh công cộng.

- Bố trí các hộp vòi tưới cây bằng Inox, kích thước 200x150x200mm, nhô lên khỏi mặt đất 50mm; trong hộp lắp đặt van khóa hai chiều DN15 và đầu chờ nối với ống mềm tưới cây; Van khóa đặt trên gối đỡ BTXM M150, đá 2x4.

d) Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa để thu nước mặt đường dạo và nước tràn mặt vườn hoa. Nước mưa được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Dự án. Sử dụng ống D200, bố trí các hố ga thăm, thu trên tuyến ống, mép đường dạo và các hố ga thu nước mặt vườn hoa.

- Hố ga thăm: Kích thước lòng hố ga (60x60)cm; tường hố ga xây gạch đặc

dày 220mm, VXM M75; trát tường trong VXM M75 dày 2cm; Đáy ga BTXM M200 đá 1x2 dày 20cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Tấm đan BTCT M250 đá 1x2 dày 8cm có khung thép hình L80x80x6; giăng cổ ga BTXM M250 đá 1x2 dày 22cm có khung thép hình L80x80x6.

- Hồ ga thu nước tràn mặt vườn hoa: Kích thước lòng hồ ga (58x58)cm tường hồ ga xây gạch đặc dày 110, VXM M75. Giăng cổ ga BTXM M250 đá 1x2 dày 10cm. Trát tường trong VXM M75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Lưới chắn rác hồ ga bằng composite được bắt bulong vào giăng cổ ga.

- Hồ thu nước mép đường dạo: kích thước lòng hồ ga (87x44)cm tường hồ ga xây gạch đặc dày 110, VXM M75; trát tường trong VXM M75 dày 2cm; Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Giăng cổ ga BTXM M 250 đá 1x2 dày 10cm. Lưới chắn rác bằng composite.

- Hệ thống thoát nước thải gồm tuyến ống u.PVC D200 dẫn nước thải đã xử lý cục bộ tại bể phốt của nhà vệ sinh công cộng đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Dự án.

đ) Điện chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện: Từ hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà của Dự án. Bố trí 01 tủ điện chiếu sáng (Tủ CS1) để điều khiển hệ thống điện chiếu sáng của vườn hoa, tự động đóng cắt bằng rơ le thời gian, điều chỉnh chế độ đóng cắt theo mùa và chế độ ngắt lộ và vận hành được bằng tay giúp quá trình sửa chữa được thuận tiện, tiết kiệm điện năng tiêu thụ; Lắp đặt hệ thống tiếp địa cho hệ thống chiếu sáng;

- Bố trí cột đèn trang trí bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, cao 3,45m. Trên mỗi cột lắp 2 cầu D300, bóng LED 18W; Móng cột đèn BTXM đúc sẵn.

e) Thiết bị tiện ích công cộng:

- Bố trí các ghế đá tự nhiên mài bóng và các thùng rác loại 3 ngăn phân bố đều trên các tuyến đường dạo.

- Thiết bị thể dục thể thao ngoài trời gồm: thiết bị xoay eo đứng, thiết bị kéo dây tay; thiết bị xe đạp thể lực; thiết bị tập tay đôi ...

g) Nhà vệ sinh công cộng:

- Nhà vệ công cộng cấu tạo khung inox hộp, phía ngoài ốp tấm Alumec, phía trong ốp lát gạch ceramic; diện tích 12m² (chia làm 02 buồng nam/nữ); Chiều cao từ cốt nền tới đỉnh mái 2,8m; Mái lợp tôn mạ màu;

- Kết cấu: móng bè BTCT M200 đá 1x2 dày 20cm đặt trên lớp bê tông lót móng mác 150 đá 4x6 dày 10cm;

- Thiết bị: Buồng vệ sinh nam lắp đặt 01 xí bệt, 01 tiểu nam, 01 chậu rửa; 01 thùng rác; Buồng vệ sinh nữ lắp đặt 01 xí bệt; 01 chậu rửa; 01 thùng rác.

*) Bãi đỗ xe ngoài trời: Diện tích khoảng 1.239,08m²; Kết cấu bãi (các lớp

từ trên xuống): BTXM M250 đá 1x2 dày 18cm, xoa nhẵn mặt, xẻ khe biến dạng rộng 5mm chèn nhựa đường; Rải nilon chống mất nước xi măng; cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm; Lớp đất núi đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm; đất núi đầm chặt $K \geq 0,95$ dày 30cm.

1.3.9.3. Vườn hoa số 3: Diện tích khoảng 296,66m²

- Lắp đặt viên bó vỉa xung quanh mép vườn hoa: Tổng chiều dài khoảng 160,95m; Sử dụng viên BTXM đúc sẵn, kích thước (15x30x100)cm; Lót vữa XM M75 dày 2cm; Lót móng BT đá 2x4 M150 dày 10cm.

- Bố trí 01 hồ thu nước tràn mặt vườn hoa và tuyến ống u.PVC D160, ống nhựa PVC cấp bền PN6 thoát nước mưa về hố ga thu nước tại mép đường. Kích thước lòng hố ga (58x58)cm tường hố ga xây gạch đặc dày 110, VXM M75. Giếng cổ ga BTXM M250 đá 1x2 dày 10cm. Trát tường trong VXM M75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Lưới chắn rác hố ga bằng composite được bắt bulong vào giếng cổ ga.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ: Trồng cây hoa Mẫu đơn thành viền ven vườn hoa, bề rộng viền cây 50cm, chiều cao 60cm; trồng cỏ lá gừng toàn bộ diện tích mặt đất vườn hoa.

- Điện chiếu sáng: Bố trí 01 cột đèn trang trí tại giữa vườn hoa bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, cao 3,45m. Trên cột lắp 2 cầu D300 có chứa bóng LED 18W. Móng cột đèn BTXM đúc sẵn.

1.3.9.4. Vườn hoa số 4: Diện tích khoảng 4.001,13m².

a) Đường dạo:

- Các tuyến đường dạo có tổng diện tích mặt đường dạo khoảng 1.391,78m², đường dạo gồm 3 loại có bề rộng dạo 7,5m, 6,0m và 4,5m.

- Kết cấu đường dạo (các lớp từ trên xuống): Lát gạch bê tông giả đá (30x60x5)cm; lót VXM mác 75 dày 2cm; BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm; Rải nilon chống mất nước xi măng; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

- Bó vỉa mép đường dạo: Tổng chiều dài khoảng 629,29m; sử dụng viên BTXM đúc sẵn, kích thước (15x30x100)cm; Lót vữa XM M75 dày 2cm; Lót móng BT đá 2x4 M150 dày 10cm.

b) Trồng cây xanh, thảm cỏ:

- Cây tầng cao: trồng kết hợp các loại gồm cây Gạo đỏ, Osaka vàng, Ban Tây bắc, Vàng anh, Phượng vĩ, Giáng hương. Đường kích gốc các loại cây từ 15cm - 50cm; chiều cao từ 4,5m - 8,0m tùy từng loại cây.

- Cây tầng thấp: Trồng cây hoa Mẫu đơn thành viền ven đường dạo, bề rộng viền cây 50cm, chiều cao 60cm.

- Cây trồng thảm: trồng cỏ lá gừng toàn bộ diện tích mặt đất vườn hoa.

c) Cấp nước:

- Nguồn cấp: đầu nối từ đầu cấp DN50 chờ sẵn từ tuyến ống DN180 cấp nước của dự án. Sử dụng ống HDPE DN32 cấp nước để phục vụ nhu cầu tưới cây, rửa sân, đường dạo; sử dụng ống HDPE DN50 cấp nước cho Nhà vệ sinh công cộng.

- Bố trí các hộp vòi tưới cây bằng Inox, kích thước 200x150x200mm, nhô lên khỏi mặt đất 50mm; trong hộp lắp đặt van khóa hai chiều DN15 và đầu chờ nối với ống mềm tưới cây; Van khóa đặt trên gối đỡ BTXM M150, đá 2x4.

d) Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa để thu nước mặt đường dạo và nước tràn mặt vườn hoa. Nước mưa được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Dự án. Sử dụng ống D200, bố trí các hố ga thăm, thu trên tuyến ống, mép đường dạo và các hố ga thu nước mặt vườn hoa.

- Hố ga thăm: Kích thước lòng hố ga (60x60)cm; tường hố ga xây gạch đặc dày 220mm, VXM M75; trát tường trong VXM M75 dày 2cm; Đáy ga BTXM M200 đá 1x2 dày 20cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Tấm đan BTCT M250 đá 1x2 dày 8cm có khung thép hình L80x80x6; giăng cổ ga BTXM M250 đá 1x2 dày 22cm có khung thép hình L80x80x6.

- Hố ga thu nước tràn mặt vườn hoa: Kích thước lòng hố ga (58x58)cm tường hố ga xây gạch đặc dày 110, VXM M75. Giăng cổ ga BTXM M250 đá 1x2 dày 10cm. Trát tường trong VXM M75 dày 2cm. Đáy ga BTXM M200 đá 1x2 dày 10cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Lưới chắn rác hố ga bằng composite được bắt bulong vào giăng cổ ga.

- Hố thu nước mép đường dạo: kích thước lòng hố ga (87x44)cm tường hố ga xây gạch đặc dày 110, VXM M75; trát tường trong VXM M75 dày 2cm; Đáy ga BTXM M150 đá 2x4 dày 15cm, lót móng đá dăm dày 10cm. Giăng cổ ga BTXM M 250 đá 1x2 dày 10cm. Lưới chắn rác bằng composite.

- Hệ thống thoát nước thải gồm tuyến ống u.PVC D200 dẫn nước thải đã xử lý cục bộ tại bể phốt của nhà vệ sinh công cộng đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Dự án.

đ) Điện chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện: Từ hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà của Dự án. Bố trí 01 tủ điện chiếu sáng (Tủ CS1) để điều khiển hệ thống điện chiếu sáng của vườn hoa, tự động đóng cắt bằng rơ le thời gian, điều chỉnh chế độ đóng cắt theo mùa và chế độ ngắt lộ và vận hành được bằng tay giúp quá trình sửa chữa được thuận tiện, tiết kiệm điện năng tiêu thụ; Lắp đặt hệ thống tiếp địa cho hệ thống chiếu sáng;

- Bố trí các cột đèn trang trí bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng, cao 3,45m. Trên mỗi cột lắp 2 cầu D300, bóng LED 18W; Móng cột đèn BTXM đúc sẵn.

e) Thiết bị tiện ích công cộng:

- Bố trí các ghế đá tự nhiên mài bóng và các thùng rác loại 3 ngăn phân bố đều trên các tuyến đường dạo.

- Thiết bị thể dục thể thao ngoài trời gồm: thang thể lực + xà đơn; thiết bị xoay eo đứng; thiết bị tập lưng hông (02 bộ); thiết bị tập xà kép; thiết bị kéo dây tay; thiết bị xe đạp thể lực; thiết bị tập tay đôi ...

g) Nhà vệ sinh công cộng:

- Nhà vệ công cộng cấu tạo khung inox hộp, phía ngoài ốp tấm Alumec, phía trong ốp lát gạch ceramic; diện tích 12m² (chia làm 02 buồng nam/nữ); Chiều cao từ cốt nền tới đỉnh mái 2,8m; Mái lợp tôn mạ màu;

- Kết cấu: móng bè BTCT M200 đá 1x2 dày 20cm đặt trên lớp bê tông lót móng mác 150 đá 4x6 dày 10cm;

- Thiết bị: Buồng vệ sinh nam lắp đặt 01 xí bệt, 01 tiểu nam, 01 chậu rửa; 01 thùng rác; Buồng vệ sinh nữ lắp đặt 01 xí bệt; 01 chậu rửa; 01 thùng rác.

1.4. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Theo quy định hiện hành

1.5. Tổng mức đầu tư dự án: 582.863.937.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm tám mươi hai tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

1.6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

1.7. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2027

1.8. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước

2. Thông tin về gói thầu

2.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Tư vấn khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công công trình hạ tầng kỹ thuật và dự toán

2.2. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

2.3. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

2.4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

2.5. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2025

2.5. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn nhà thầu Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán có kinh nghiệm và năng lực hoạt động xây dựng để thực hiện gói thầu tuân thủ theo các quy định với chi phí hợp lý, hoàn thành đúng tiến độ trong Hồ sơ mời thầu, đồng thời đảm bảo các yêu cầu:

- Tuân thủ các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn, Quy trình và Quy phạm hiện hành của nhà nước có liên quan;
- Đảm bảo sự ổn định, bền vững lâu dài của công trình;
- Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng;
- Đảm bảo mục tiêu, nhiệm vụ của công trình và nội dung dự án được duyệt.

II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi công việc của Nhà thầu

Lập thuyết minh báo cáo thiết kế bản vẽ thi công, các bản tính, các bản vẽ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và hướng dẫn bảo trì (nếu có) công trình xây dựng theo quy định tại Điều 40, Điều 41 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và nhiệm vụ thiết kế do Chủ đầu tư xác định.

- Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật tại khu vực các chung cư cũ Vạn Mỹ và 311 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền.

+ Đáp ứng theo quy mô đầu tư, loại cấp công trình đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 28/05/2025.

+ Theo các quy định tại Điều 79, 80 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14; Điều 40, Điều 41 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Lập chỉ dẫn kỹ thuật theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Lập dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

- Quản lý công tác thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

- Lập dự toán các gói thầu xây lắp, lập nhiệm vụ và dự toán các gói thầu tư vấn, phi tư vấn theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

- Thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định hiện hành. Và các yêu cầu khác theo nhiệm vụ thiết kế và các quy định về thiết kế tại

các văn bản hiện hành khác có liên quan.

2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu tư vấn phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn:

2.1. Thiết kế bản vẽ thi công phải đáp ứng các nội dung theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng; thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật, vật liệu sử dụng, chi tiết cấu tạo, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng; phù hợp với thiết kế cơ sở được phê duyệt. Thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và các bản vẽ, chỉ dẫn kỹ thuật và hướng dẫn bảo trì.

2.2. Bản vẽ thiết kế xây dựng phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên được thể hiện theo các tiêu chuẩn áp dụng trong hoạt động xây dựng. Trong khung tên từng bản vẽ phải có tên, chữ ký của người trực tiếp thiết kế, người kiểm tra thiết kế, chủ trì thiết kế, chủ nhiệm thiết kế. Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế xây dựng phải xây dựng phải xác nhận vào hồ sơ và đóng dấu của nhà thầu thiết kế xây dựng trong trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng là tổ chức;

2.3. Các bản thuyết minh, bản vẽ thiết kế xây dựng, dự toán phải được đóng thành tập hồ sơ theo khuôn khổ thống nhất, được lập danh mục, đánh số, ký hiệu để tra cứu và bảo quản lâu dài.

2.4. Yêu cầu về sản phẩm của nhà thầu:

a. Số lượng hồ sơ bao gồm Thuyết minh thiết kế, bảng tính, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, dự toán xây dựng công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và quy trình bảo trì công trình xây dựng (nếu có)... được lập là 07 bộ.

b. Quy cách bản vẽ và tài liệu:

- Bản vẽ: khổ A3 hoặc A2, đóng quyển (tập);
- Các thuyết minh thiết kế, bảng tính... và dự toán: khổ A4, đóng quyển (tập).

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay khi hợp đồng có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện

- Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm lên danh mục khối lượng công việc thực hiện và các yêu cầu đề xuất cần thiết với Chủ đầu tư để có sự phối hợp cần thiết trong công việc;

- Theo tiến độ của nhà thầu đề xuất trong HSDT, nhà thầu phải có kế hoạch hoàn thành các phần công việc thiết kế theo từng giai đoạn. Khi xong mỗi phần công việc như: Thiết kế kiến trúc, điện, nước,... Nhà thầu báo cáo cho Chủ đầu tư và gửi một bộ bản vẽ dự thảo kèm thuyết minh để chủ đầu tư kiểm tra;

- Nhà thầu tư vấn thiết kế có trách nhiệm chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, thẩm định và Chủ đầu tư cho đến khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt;

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình làm việc. Bất cứ tại giai đoạn nào, khi chủ đầu tư cần thiết đều có thể kiểm tra về tiến độ thực hiện, mức độ hoàn thành công việc của Nhà thầu để giảm rủi ro cũng như có sự phối hợp cụ thể. Ngoài những báo cáo thường xuyên theo cam kết, Nhà thầu cũng không có quyền từ chối làm các báo cáo đột xuất khi Chủ đầu tư yêu cầu.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

Theo quy định tại “**Mục 2, Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT**”

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp cho nhà thầu các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án và Chủ đầu tư có được trong khoảng thời gian sớm nhất.

- Chủ đầu tư sẽ trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu hợp lý của nhà thầu trong vòng 05 ngày làm việc.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

- Chủ đầu tư sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu.

- Có trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn</p>

	<p>thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ</p>

	<p>các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản</p>

	<p>đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi

	<p>hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong</p>

	<p>thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng; g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp

	đồng và pháp luật có quy định.
16. Nhà thầu phụ	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
18. Tạm dừng hợp đồng	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công</p>

	<p>việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p>

21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.

21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng

	<p>trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
<p>23. Thông báo</p>	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án khu vực Ngô Quyền. Địa chỉ: Số 17 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác:
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Theo quy định hiện hành và thỏa thuận giữa các bên trong quá trình thương thảo hợp đồng.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p>
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng Theo thỏa thuận giữa các Bên trong quá trình thương thảo hợp đồng và tuân thủ các quy định hiện hành</p> <p>10.2. Thanh toán Phương thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: Theo thỏa thuận giữa các Bên trong quá trình thương thảo hợp đồng và tuân thủ các quy định hiện hành. - Thời hạn thanh toán: Theo thỏa thuận giữa các Bên trong quá trình thương thảo hợp đồng và tuân thủ các quy định hiện hành
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng

	của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác:
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 5 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư)
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ:
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:
E-ĐKC 17	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Không áp dụng. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng <p><i>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng của nhà thầu nếu: <ul style="list-style-type: none"> + Bỏ dở hoặc thể hiện ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng; + Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự chấp thuận của chủ đầu tư; + Nhà thầu bị lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả; + Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSMT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; + Nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và tiến độ thực hiện dự án. + Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <p>Nhà thầu vẫn có thể chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc theo đúng nghĩa vụ của chủ đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do người quyết định đầu tư quyết định thay đổi mục tiêu đầu tư, thay đổi hoặc tạm dừng thực hiện; - Do Nhà nước không bố trí vốn.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng xây dựng, các bên có trách nhiệm thương lượng

	giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua hòa giải. Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án khu vực Ngô Quyền. Địa chỉ: Số 17 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

*Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong **E-ĐKCT** cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.*

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của

Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói ⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định⁽³⁾

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY

QUYỀN

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*ghi tên, số hiệu gói thầu.*] với giá hợp đồng là _____ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền

của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC CÁC VÍ DỤ

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật của gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải thành phố X

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
1	<i>Kinh nghiệm nhà thầu</i>	15		10
1.1	<i>Kinh nghiệm quốc tế về thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây</i>	5		
1.1.1	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	2,5		
	<i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.1.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	2,5		
	<i>>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>8-9 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>6-8 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>3-5 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>< 3 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại khu vực Đông Nam Á</i>	5		
1.2.1	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	2,5		
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
1.2.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	2,5		

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2,5	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,25	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,75	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>1.3</i>	<i>Kinh nghiệm tư vấn các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại Việt Nam</i>	6		
<i>1.3.1</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước</i>	3		
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		3	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,7	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		2,1	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1,2	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>1.3.2</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	3		
	<i>>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		3	
	<i>4-5 dự án (đạt 90% số điểm)</i>		2,7	
	<i>2-3 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		2,1	
	<i>1 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		1,2	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
2	<i>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu</i>	5		
	<i>Tất cả hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 100% số điểm)</i>		5	
	<i>75% các hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 90% số điểm)</i>		4,5	
	<i>50% các hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 70% số điểm)</i>		3,5	
	<i>25% các hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 40% số điểm)</i>		2	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Không có hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 0 điểm)</i>		0	
3	<i>Giải pháp và phương pháp luận</i>	30		20
3.1	<i>Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu</i>	5		
3.1.1	<i>Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của dự án nêu trong điều khoản tham chiếu</i>	2		
3.1.2	<i>Đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các dự án hợp phần</i>	1,5		
3.1.3	<i>Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các dự án hợp phần)</i>	1,5		
3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận</i>	5		
3.2.1	<i>Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.</i>	2		
3.2.2	<i>Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ</i>	1,5		
3.2.3	<i>Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)</i>	1,5		
3.3	<i>Sáng kiến cải tiến</i>	2		
3.3.1	<i>Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án</i>	1		
3.3.2	<i>Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến</i>	1		
3.4	<i>Cách trình bày đề xuất</i>	2		
3.4.1	<i>Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi</i>	1		
3.4.2	<i>Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục</i>	1		
3.5	<i>Kế hoạch triển khai</i>	10		
3.5.1	<i>Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng</i>	5		
3.5.2	<i>Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến</i>	2,5		
3.5.3	<i>Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo</i>	2,5		
3.6	<i>Bố trí nhân sự hợp lý</i>	6		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
3.6.1	Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu	3		
3.6.2	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai	3		
4	Nhân sự	50		40
4.1	Tư vấn trưởng	13		11
4.1.1	Trình độ chung	3		
a	Bằng cấp	1,5		
	Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)		1,5	
	Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)		1,05	
	Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan	1,5		
	>= 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	5 - < 10 năm (đạt 40% số điểm)		0,6	
	< 5 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự	6		
a	Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải	2		
	>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
c	Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn trưởng trong suốt quá trình làm việc	2		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,4	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,8	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.1.3	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	1,5		
	<i>≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)</i>		1,2	
	<i>5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,75	
	<i>1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)</i>		0,45	
	<i>≤ 1 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.1.4	Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam	1,5		
	<i>≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,75	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.1.5	Trình độ tiếng Anh	1		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>Trung bình (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2	Tư vấn phó	9		7
4.2.1	Trình độ chung	2		
a	Bằng cấp	1		
	<i>Giáo sư, tiến sỹ, thạc sỹ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		1	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>b</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	<i>1</i>		
	<i>>= 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>5 – < 10 năm (đạt 40% số điểm)</i>		0,4	
	<i>< 5 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự</i>	4,5		
<i>a</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>b</i>	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>c</i>	<i>Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn phó (hoặc tư vấn trưởng) trong suốt quá trình làm việc</i>	1,5		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.3	<i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i>	<i>1</i>		
	<i>≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)</i>		0,8	
	<i>5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)</i>		0,3	
	<i>≤ 1 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.4	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	1		
	<i>≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.2.5	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	0,5		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>Trung bình (đạt 40% số điểm)</i>		0,2	
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.3	<i>Chuyên gia, kỹ sư khác</i>	28		22
4.3.1	<i>Kỹ sư cấp nước</i>	4		
4.3.2	<i>Kỹ sư thoát nước</i>	4		
4.3.3	<i>Kỹ sư công nghệ xử lý</i>	4		
4.3.4	<i>Kỹ sư địa chất</i>	4		
4.3.5	<i>Kỹ sư xây dựng dân dụng</i>	4		
4.3.6	<i>Chuyên gia về môi trường</i>	4		
4.3.7	<i>Chuyên gia tái định cư và các vấn đề xã hội</i>	4		
	<i>Tiêu chuẩn đánh giá của các chuyên gia, kỹ sư khác</i>			
<i>a</i>	<i>Bằng cấp</i>	0,5		
	<i>Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>b</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	<i>1</i>		
	<i>>= 7 năm (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>4 – <7 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>2 – < 4 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>< 2 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>c</i>	<i>Kinh nghiệm thực hiện các dự án có tính chất tương tự</i>	<i>1</i>		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		<i>1</i>	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>0 dự án</i>		0	
<i>d</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i>	<i>0,5</i>		
	<i>>= 5 năm (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>3 - < 5 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>1 - < 3 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	
	<i>< 1 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>đ</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	<i>0,5</i>		
	<i>≥ 3 năm (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>e</i>	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	<i>0,5</i>		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>Trung bình (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
	<i>Tổng</i>	<i>100</i>		<i>70</i>